

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1022/2026/DS-PT
Ngày: 22 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Hợp - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 285/2025/TLPT-DS ngày 22/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1929/2025/QĐXXPT-DS ngày 27/3/2026, Quyết định hoãn phiên Tòa số 5120/2026/QĐ-PT ngày 08/4/2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5504/2026/QĐTP-DS ngày 20/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); địa chỉ liên lạc: số D, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30/5/2024, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim C: Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: số N khu đô thị N, Tổ A, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) - là người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2026, có mặt.

2.2. Ông Võ Minh S (chết ngày 07/9/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Minh S:

Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Võ Diễm T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang) - là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 29/10/2024); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Võ Diễm T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Trần Văn G, sinh năm 1982; nơi cư trú: số A, khu đô thị G, K, khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là số A khu đô thị G, K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/7/2022, bà Nguyễn Thúy H cho ông Võ Minh S, bà Nguyễn Thị Kim C vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), khi vay có lập hợp đồng vay tiền dưới hình thức giấy nhận tiền do ông S, bà C viết và ký tên. Thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận là 1,6%/tháng (tuy nhiên chỉ là thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy nhận tiền). Do đến hạn thanh toán nhưng ông S (đã chết), bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Kim C cùng người thừa kế của ông Võ Minh S phải liên đới hoàn trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), tiền nợ lãi tính từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2024 là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Tổng số tiền là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 22/8/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thúy H số tiền 1.112.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi (tạm tính từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 với lãi suất 1,6%/tháng) là 112.000.000 đồng.

Ngày 10/01/2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu về việc yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Kim C cùng người thừa kế của ông Võ Minh S phải liên đới hoàn trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), tiền nợ lãi tính từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2025 (lãi suất 1,6%/tháng x 35 tháng) là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Tổng số tiền là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng). Đối với chứng cứ do bị đơn cung cấp về việc đã trả số nợ 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) thông qua bà Trần Thị Thùy T1 thì bị đơn không thừa nhận, bị đơn xác định ngày 10/05/2023, bà C và ông S nhờ bà Nguyễn Thị Thùy T3 chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà H 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) mục đích là để đáo hạn ngân hàng. Số tiền này ngay sau đó bà C và ông S nhắn tin qua zalo cho bà H, cung cấp cho bà Hằng số tài khoản ngân hàng của ông Trần Văn G (tài khoản 0261008888888, mở tại Ngân hàng TMCP N) và yêu cầu bà H chuyển lại Toàn bộ số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) mà bà T3 đã chuyển cho bà H vào tài khoản của ông G, bà H không biết bà T3 và ông G là ai. Lúc 10 giờ 58 phút ngày 12/5/2023, bà H đã nhờ nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A) - Chi nhánh B, Phòng G1 chuyển lại Toàn bộ số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) mà bà T3 chuyển cho bà H vào tài khoản của ông Trần Văn G theo yêu cầu của bà C. Mặt khác, theo lời khai của đại diện bị đơn thì cho rằng bà C và ông S đã nhờ bà T3 chuyển tiền trả nợ cho bà H ngày 10/05/2023. Tuy nhiên, nguyên đơn đã cung cấp nội dung các tin nhắn giữa bà C và bà H sau ngày 10/5/2023 thể hiện, bà C vẫn xin gia hạn trả tiền nợ. Mặt khác, tại bản tự khai của bà C ở Tòa án thì bà C cũng thừa nhận còn nợ bà H số tiền gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và số tiền lãi từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên, bà C xin trả tiền gốc, không trả tiền lãi. Vì vậy, nguyên đơn xác định hiện tại bà C vẫn còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2024 và quá trình làm việc tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim C và người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 15/7/2022, ông Võ Minh S và bà Nguyễn Thị Kim C có vay của bà Nguyễn Thúy H số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, tuy nhiên việc thỏa thuận về lãi suất chỉ bằng miệng, không ghi vào giấy nhận tiền. Cho đến ngày

30/9/2023 (sau khi ông Võ Minh S chết) thì bà H đòi lại số tiền nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà C xác định đã trả cho bà H số tiền lãi của khoản nợ nêu trên là hơn 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà C đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc. Riêng yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn thì bà không đồng ý do bà xác định đã trả được hơn 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền lãi. Tuy nhiên bà C không có yêu cầu phản tố đối với số tiền lãi này do không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

Ngày 23/10/2024, người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim C xuất trình chứng cứ chứng minh ông Võ Minh S đã trả số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) cho bà H thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà Trần Thị Thùy T1 vào ngày 10/5/2023. Do đó, bị đơn không đồng ý với Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2024, bà Nguyễn Võ Diễm T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thùy T1 trình bày:

Ngày 10/5/2023, ông Võ Minh S có liên hệ với bà Nguyễn Võ Diễm T2 hỏi mượn số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) để trả cho bà Nguyễn Thúy H, do nhiều lần quen biết nhau nên bà T2 tin tưởng cho ông S mượn. Tuy nhiên, do bà T2 không có tiền nên nhờ Trần Thị Thùy T1 cho mượn và bà T2 đứng ra lãnh số nợ này cho ông S. Sau đó bà T1 đồng ý và chuyển khoản tiền cho bà H thông qua số tài khoản do ông S cung cấp, sau đó bà T2 ghi giấy nợ lại và mang cho bà T1 chuyển khoản cho bà Nguyễn Thúy H. Cùng ngày 10/5/2023 thì bà T1 đã chuyển khoản và chụp lại ảnh màn hình gửi cho ông S chứng minh cho việc chuyển tiền.

Hiện tại, bà T2 với tư cách là là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thùy T1 không có ý kiến gì về Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G trình bày:

Ngày 12/5/2023, bà Nguyễn Thúy H có chuyển khoản cho ông số tiền 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) vào tài khoản số 02610088888888, tại ngân hàng TMCP N. Đây là số tiền hàng mà bà H chuyển khoản cho ông, không liên quan gì đến số tiền nợ 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) giữa bà H, bà C, ông S. Ông Trần Văn G xác định không liên quan đến vụ án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp ảnh chụp màn hình điện thoại tin nhắn qua ứng dụng zalo giữa tài khoản zalo của bà H và bà C thể hiện việc bà C đã thanh toán số tiền lãi là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) trên số nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) đã vay ngày 15/7/2022 cho bà H;

thời điểm trả tiền lãi sau ngày 10/5/2023 và khẳng định số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) bà T1 chuyển khoản cho bà H là một giao dịch khác, không liên quan đến giấy nợ ngày 15/7/2022. Đối với các giao dịch liên quan đến việc chuyển tiền từ bà T1 sang bà H, từ bà H sang ông G là những giao dịch độc lập, không liên quan đến số tiền ông S, bà C đã vay của bà H. Do đó, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Kim C và những người thừa kế của ông Võ Minh S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thúy H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), tiền nợ lãi tính từ ngày 15/10/2022 đến ngày 15/9/2025 (tạm tính 35 tháng với lãi suất 1,6%/tháng) là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng); tổng số tiền là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý với những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) đã được trả vào ngày 10/5/2023 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh S (do bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh Đ kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thúy H số tiền nợ lãi (từ ngày 15/10/2022 đến ngày 10/5/2023) là 49.807.000đ (bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh S (do bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh Đ kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim C liên đới cùng ông Võ Minh Đ trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 22/9/2025, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm do Tòa sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không triệu tập làm rõ ông Đ1, ông G nhận tiền chuyển khoản của bà H sử dụng vào

mục đích gì, không sao kê Toàn bộ tài khoản của bà H, bà C để làm rõ giao dịch các bên.

Tại phiên Tòa phúc thẩm;

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Nguyên đơn cung cấp thêm vi bằng và thừa nhận bà T1 chuyển khoản 01 tỷ đồng cho bà H là theo yêu cầu của bà C nhưng bà C yêu cầu chuyển khoản để đáo hạn ngân hàng, theo Vi bằng thể hiện bà C cho số tài khoản của ông G, ông Đ1 để bà T1 chuyển khoản. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đối chất làm rõ nguồn tiền chuyển cho ông G, không thu thập hợp đồng có liên quan với ông G, ông G có chuyển khoản cho ông Đ1 cũng chưa được làm rõ, việc thu thập và đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, không phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Tại tòa, bà H đã thừa nhận không quen biết với bà T1 và có nhận tiền chuyển khoản của bà T1 1 tỷ là theo yêu cầu của bà H. Bà H không trả lại tiền cho bà T1 mà chuyển khoản cho ông G để làm ăn riêng. Theo nội dung các tin nhắn trong Vi bằng không thể hiện việc bà C yêu cầu bà H chuyển khoản để đáo hạn ngân hàng. Việc làm ăn giữa bà H với ông G, ông Đ1 không liên quan đến bà C, không thuộc phạm vi giải quyết vụ án. Ông G cũng đã có trình bày nhận chuyển khoản tiền của bà H không liên quan đến số nợ vay của bà C. Nguyên đơn yêu cầu xác minh ông G, ông Đ1 nhưng không cung cấp được chứng cứ là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Các đương sự trình bày mâu thuẫn về việc thanh toán số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận những nội dung tin nhắn zalo (theo Vi bằng của nguyên đơn cung cấp) mà xác định đây là những giao dịch khác giữa bà H và bà C, không phải trả lãi cho số nợ 1.000.000.000 đồng đã vay.

Nhận thấy, căn cứ bản sao kê ngân hàng của bà H, bà T1, ông Trần Văn G thể hiện: ngày 10/5/2023 bà H có nhận chuyển khoản 1.000.000.000 đồng từ bà T1; điều này phù hợp lời khai của bà C, bà T2, bà T1. Bà H không có chứng cứ nào xác định số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà T1 chuyển cho bà H là nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng theo yêu cầu của bà C, sau đó bà C yêu cầu bà H chuyển tiếp số tiền 1.000.000.000 đồng đã nhận từ bà T1 sang cho ông G.

Mặt khác, lời trình bày của ông Trần Văn G cũng như sao kê tài khoản ngân hàng TMCP N số 0261008888888 thể hiện, ngày 12/5/2023 bà H chuyển

cho ông Trần Văn G số tiền 1.400.000.000 đồng ghi nội dung "CHUYEN KHOAN TIEN HANG" chứ không phải số tiền 1.000.000.000 đồng liên quan đến tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn.

Như vậy, theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập, có căn cứ xác định ngày 10/5/2023, bị đơn đã trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng nên kháng cáo nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc.

* Đối với yêu cầu về lãi suất và việc trả tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn xác định khi cho vay các bên thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng nhưng bị đơn trình bày lãi suất là 2,5%/tháng (chỉ là thỏa thuận miệng). Đồng thời trên giấy nhận tiền ngày 15/7/2022 không thể hiện số tiền lãi suất thỏa thuận giữa các bên đương sự là bao nhiêu nên căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 15/7/2022 và lời trình bày của các đương sự xác định đây là trường hợp có thỏa thuận lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất. Từ phân tích nêu trên, xác định bị đơn đã trả hết nợ gốc cho nguyên đơn vào ngày 10/5/2023 nên yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn chỉ có căn cứ chấp nhận từ ngày 15/10/2022 đến ngày 10/5/2023. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tiền lãi là phù hợp quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận đối với số tiền lãi.

* Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà C liên đới cùng những người thừa kế của ông Võ Minh S (gồm bà C, ông Võ Minh Đ) trả số tiền nợ gốc, nợ lãi mà ông S, bà C đã vay.

Bị đơn thừa nhận ông S đã chết ngày 07/9/2023 và có hàng thừa kế thứ nhất là bà C, ông Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà C trả lãi là chưa phù hợp mà những người kế thừa của ông S phải chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của ông S. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn về phần này là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng buộc bà C và người kế thừa của ông Võ Minh S là ông Võ Minh Đ liên đới trả nợ lãi cho nguyên đơn, người kế thừa của ông S chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của ông S để lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thừa nhận số tiền bà Nguyễn Thúy H cho ông Võ Minh S, bà Nguyễn Thị Kim C vay 1.000.000.000 đồng ngày 15/7/2022.

Bị đơn bà C trình bày đối với các lời khai ban đầu do chưa thu thập được đầy đủ chứng cứ, ông S chồng bà C là người trực tiếp vay tiền bà H đã chết nên bà C có thừa nhận nợ là không đúng nhưng sau khi thu thập đầy đủ chứng cứ thì bà C xác định đã trả đủ tiền gốc vay 1.000.000.000 đồng cho bà H thông qua việc ông S mượn tiền của bà Nguyễn Võ Diễm T2, sau đó bà T2 mượn tiền của bà Trần Thị Thùy T1 để chuyển khoản cho bà H vào ngày 10/5/2023. Bà C cung cấp được Sao kê tài khoản ngân hàng của bà H, bà T1 thể hiện ngày 10/5/2023, bà H có nhận chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) từ bà T1.

Nguyên đơn bà H thừa nhận có nhận chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) từ bà Trần Thị Thùy T1 nhưng kháng cáo cho rằng nhận số tiền mà bà T1 chuyển là nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng theo yêu cầu của bà C, sau đó bà C yêu cầu bà H chuyển tiếp số tiền 1.000.000.000 đồng đã nhận từ bà T1 sang cho ông G, sau đó ông G chuyển khoản số tiền trên cho ông Đ1. Ông G và ông Đ1 sử dụng số tiền này thế nào thì Tòa án chưa làm rõ nên yêu cầu hủy án sơ thẩm để làm rõ.

Xét thấy, bà H thừa nhận không quen biết với bà T1 và việc nhận tiền chuyển khoản 1.000.000.000 đồng từ bà T1 là theo yêu cầu của bà C. Mặt khác sau khi nhận tiền, bà H không hoàn trả lại bà T1 mà đã sử dụng số tiền trên. Bà H cung cấp Vi bằng tin nhắn giữa bà H với bà C nhưng hoàn toàn không có nội dung bà C xác định số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà T1 chuyển cho bà H là nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng, cũng không có nội dung bà C yêu cầu bà H phải chuyển khoản số tiền trên cho ông G, ông Đ1. Theo trình bày của ông Trần Văn G cũng như sao kê tài khoản tại ngân hàng TMCP N số 0261008888888 thể hiện vào ngày 12/5/2023 bà H chuyển khoản cho ông G số tiền 1.400.000.000 đồng ghi nội dung là “CHUYEN KHOAN TIEN HANG” chứ không phải số tiền 1.000.000.000 đồng nợ vay hay đáo hạn ngân hàng như đại diện nguyên đơn trình bày hiện nay tại tòa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà C đã trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc vay là 1.000.000.000 đồng vào ngày 10/5/2023 và chỉ buộc bà C phải trả thêm nợ lãi chưa trả là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên nguyên đơn kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với việc bà H chuyển khoản 1.400.000.000 đồng cho ông Trần Văn G, sau đó ông G chuyển cho ông Nguyễn Công Đ1 thì theo biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2025 ông Trần Văn G đã trình bày rõ: “Ngày 12/5/2023, bà Nguyễn Thúy H có chuyển khoản cho tôi số tiền 1.400.000.000 đồng vào số tài khoản: 0261008888888, mở tại ngân hàng TMCP N với nội dung “CHUYEN KHOAN TIEN HANG” thì đây là số tiền bà H thanh toán tiền hàng, không liên quan gì đến số tiền nợ giữa bà H với bà C, ông S”. Theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định đương sự có nghĩa vụ thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ, hợp

pháp. Chính bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đối với ông Trần Văn G, ông Nguyễn Công Đ1 nên nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xác minh thu thập chứng cứ làm rõ việc ông G, ông Đ1 nhận số tiền 1.400.000.000 đồng của bà H là không có căn cứ chấp nhận. Đối với giao dịch giữa bà H với ông G, ông Đ1 nếu phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết tại vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Theo Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Ông Võ Minh S đã chết ngày 07/9/2023 và có hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Kim C (vợ ông S) và ông Võ Minh Đ (con ông S). Những người thừa kế của ông S là bà C, ông Đ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông S chết để lại mà không phụ thuộc việc có kê khai nhận tài sản thừa kế tại thời điểm xét xử của Tòa án hay không. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Kim C và người kế thừa của ông Võ Minh S là ông Đ, bà C liên đới trả nợ lãi cho nguyên đơn, người thừa kế của ông S chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của ông S là phù hợp.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà C và người kế thừa của ông Võ Minh S phải liên đới trả nợ lãi cho nguyên đơn, người thừa kế của ông S chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của ông S là phù hợp với nhận định của Hội đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh S (do bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh Đ kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ ông Võ Minh S (là bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh Đ) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thúy H số tiền nợ lãi (từ ngày 15/10/2022 đến ngày 10/5/2023) là 49.807.000 đồng (bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ ông Võ Minh S (là bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh Đ) chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của ông Võ Minh S để lại khi khai nhận di sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thúy H phải chịu số tiền 55.505.800 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm nghìn tám trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền 28.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000538 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thúy H còn phải nộp số tiền 27.005.800 đồng (hai mươi bảy triệu không trăm lẻ năm nghìn tám trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim C và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ ông Võ Minh S (là bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Minh Đ) phải liên đới chịu 2.490.400 đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thúy H không phải chịu, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028568 ngày 21/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 18 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- VT (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (94).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Dũng